

Số 01/BC- BKS

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động năm 2023; Kế hoạch hoạt động năm 2024 Của Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 24/5/2023;

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023 và dự kiến Kế hoạch hoạt động năm 2024, như sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa năm 2023 gồm 03 thành viên, được Đại hội đồng Cổ đông bầu ngày 29/6/2020:

- Bà Lê Thị Hà – Trưởng ban
- Ông Nguyễn Công Khanh – Thành viên
- Bà Trịnh Thị Huyền – Thành viên

Căn cứ Kế hoạch công tác đã được Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 thông qua, trên cơ sở quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc.

Thực hiện chức năng giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp giao ban hàng tháng do Tổng Giám đốc Công ty chủ trì, các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp của Công ty để theo dõi, nắm bắt việc quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và tình hình hoạt động, tài chính của Công ty.

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, đồng thời tiếp tục triển khai nhiệm vụ cho quý tới. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát không gây cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên trong Ban luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội Cổ đông để thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.

2. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao và quyền lợi của Ban Kiểm soát được Công ty chi trả theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023, theo đó: Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương chuyên trách và các quyền lợi theo quy định tại NĐ 53/2016/NĐ-CP quy định về quản lý, lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của Nhà Nước; 02 thành viên kiêm nhiệm hưởng thù lao mức 02 triệu đồng/người/tháng.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều khó khăn do giá nước trên 5 năm chưa được điều chỉnh, các chi phí vật tư, vật liệu phục vụ cho công tác xây dựng, sửa chữa cải tạo khan hiếm, biến động tăng giá; hệ thống mạng lưới cấp nước hỗn hợp, lâu năm có nguy cơ gây thoát cao; số lượng khách hàng ở khu vực vùng nông thôn, vùng miền núi có mức sử dụng nước thấp đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Song với thuận lợi về ngành nghề kinh doanh đặc thù, nhu cầu sử dụng nước của người dân ngày càng cao; việc đầu tư mở rộng mạng lưới khách hàng và cải tạo, nâng cấp trong những năm qua là những yếu tố thuận lợi cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023.

Trước khó khăn và thuận lợi đó, HĐQT và ban điều hành đã xác định nhiệm vụ trọng tâm và đưa ra các giải pháp phù hợp cho từng tháng, quý, đồng thời quyết liệt chỉ đạo, cùng với tập thể CBĐVNLD quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ nghị quyết đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

- *Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cấp nước*: Đây là hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Đến hết năm 2023, Công ty đã có 230.400 hộ khách hàng, với doanh thu thực hiện trên 414.479 triệu đồng, (chiếm 96% tổng doanh thu và thu nhập); bằng 96,7% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, đạt 106,4% kế hoạch, tăng 6,6% so với năm trước; tỉ lệ nước thất thoát 16,9%, giảm 0,46% so với NQ, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước. Các tuyến ống cấp nước cơ bản đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, góp phần mở rộng phát triển khách hàng, nâng cao năng lực cấp nước và tăng trưởng doanh thu trong năm. Tỉ lệ khách hàng 0m³ giảm 0,38% so với cùng kỳ, song còn cao so với mục tiêu đề ra dưới 8,8%.

- *Hoạt động Tư vấn, xây lắp và dịch vụ khác*: Bao gồm hoạt động của phát triển khách hàng, tư vấn, xây lắp và hoạt động thu phí môi trường. Doanh thu thực hiện 14.022 triệu đồng, chiếm 3,3% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- *Hoạt động tài chính*: Có doanh thu đạt 2.976 triệu đồng, là khoản thu lãi tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn.

- *Thu nhập khác*: Có doanh thu 330 triệu đồng, là khoản hỗ trợ của tổ chức Vinhep và thu khác.

2. Tình hình đầu tư vốn, tài sản tại doanh nghiệp và hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

2.1. Về đầu tư mua sắm và xây dựng cơ bản hình thành tài sản:

Năm 2023, Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng và sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình, hạng mục công trình phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cấp nước. Trong năm, tổng giá trị đầu tư mua sắm và xây dựng cơ bản là 37 tỷ đồng; giá trị xây dựng cơ bản năm trước chuyển sang 15,9 tỷ đồng; giá trị đã tăng tài sản là 46 tỷ đồng; giá trị dở dang chuyển sang năm sau là 6,9 tỷ đồng.

Các công trình đầu tư mua sắm, xây dựng thực hiện chủ yếu bằng nguồn vốn khấu hao. Thẩm quyền quyết định và trình tự, thủ tục thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty. Hầu hết công trình đầu tư xây dựng hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đề ra, góp phần mở rộng thị trường bán hàng, tăng trưởng doanh thu, giảm tỉ lệ nước thất thoát, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Riêng công trình nâng công suất Nhà máy nước Mật Sơn lên 70.000m³/ngđ: Đã thực hiện xong các bước theo quy định và trình HĐQT phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp và gói thầu giám sát.

Công trình tuyến ống số 3 Thanh Hóa – Sầm Sơn: Đang thực hiện các thủ tục bước chuẩn bị đầu tư.

2.2. Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (góp vốn, mua cổ phần, mua công trái, trái phiếu): Không có.

2.3. Việc huy động và sử dụng vốn huy động, phát hành trái phiếu:

a) Về huy động và sử dụng vốn huy động: Trong năm, Công ty không phát sinh các khoản huy động vốn.

b) Phát hành trái phiếu: Không.

3. Về tình hình tài chính của Công ty

Công ty thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo đúng quy định của pháp luật.

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế, là tổ chức kiểm toán được Bộ tài chính quyết định chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán, đồng thời đánh giá tình hình tài chính như sau:

3.1. Một số chỉ tiêu về tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	117.637.048.882	110.114.752.430
1. Tiền và tương đương tiền	110-BCĐKT	67.904.368.603	34.749.550.189
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	1.772.344.587	20.479.467.468
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	24.804.277.946	31.880.883.291
Trong đó: DP phải thu khó đòi	137-BCĐKT	(27.191.746.474)	(25.608.294.591)
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	22.600.339.324	22.154.135.496
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	555.718.422	850.715.986
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	574.646.360.522	591.083.357.135
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	0	0
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	554.738.661.943	563.347.149.283
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	554.701.795.261	563.278.682.605
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	36.866.682	68.466.678
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT	0	0
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	6.967.476.024	15.909.575.991
5. Đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	0	0
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	12.940.222.555	11.826.631.861
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	286.778.498.314	306.946.936.517
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	139.641.939.792	135.579.674.043
Trong đó: Nợ quá hạn		0	0
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	147.136.558.522	171.367.262.474
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	405.504.911.090	394.251.173.048
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	405.504.911.090	394.251.173.048
Trong đó: Vốn đầu tư của CSH	411-BCĐKT	329.954.110.000	329.954.110.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	27.981.894.030	21.573.334.792

3.Lợi nhuận sau thuế chưa PP	421-BCĐKT	47.568.907.060	42.723.728.256
V. Kết quả kinh doanh		Năm 2023	Năm 2022
1. Tổng doanh thu và thu nhập		431.808.604.033	419.809.536.488
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	428.501.285.107	410.254.794.235
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	2.976.678.926	2.120.074.380
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	330.640.000	7.434.667.873
2. Tổng chi phí		371.199.236.562	366.309.765.668
3. Lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	60.609.367.471	53.499.770.820
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60-BCKQKD	47.568.907.060	42.723.728.256
VI. Chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách (thuế, phí, cổ tứcNN)		74.024.293.691	68.507.358.363
Trong đó: Các loại thuế		54.997.708.549	50.315.471.525
2.Lợi nhuận trước thuế/VCSH		0,17	0,15
3. Tổng nợ phải trả/VCSH		0,70	0,78
4. Tổng quỹ lương		127,108 tỷ đồng	114,47 tỷ đồng
5. Số LĐ bình quân (người)		910	880
6. Tiền lương BQ người/tháng		11,64 triệu đồng	10,84 triệu đồng

3.2. Việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn:

a) Việc bảo toàn vốn: Công ty đã thực hiện quản lý và sử dụng vốn đúng quy định của pháp luật và quy chế nội bộ Công ty.

- Vốn chủ sở hữu cuối kỳ (31/12/2023) là 405.505 triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu đầu kỳ (01/01/2023) là 394.251 triệu đồng
- Hệ số bảo toàn vốn là 1,03

b) Hiệu quả sử dụng vốn:

- Tài sản cuối kỳ (31/12/2023) là 692.283 triệu đồng
- Tài sản đầu kỳ (01/01/2023) là 701.198 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế là 47.569 triệu đồng

- Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE) là 13,4% (năm 2022 là 12,1%). Cho thấy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu thì công ty tạo ra 13,4 đồng lợi nhuận sau thuế TNDN. Hệ số này ở mức cao.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA) là 6,8% (năm 2022 là 6,1%). Cho thấy cứ 100 đồng tài sản thì công ty tạo ra 6,8 đồng lợi nhuận sau thuế TNDN.

3.3. Quản lý tài sản, quản lý nợ, khả năng thanh toán nợ và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu

a) Quản lý tiền và các khoản đầu tư tài chính: Công ty mở đầy đủ sổ sách, quản lý ghi chép theo dõi theo đúng quy định; cuối năm tài chính đối chiếu số dư, kiểm kê quỹ. Tại ngày 31/12/2023 tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn là 69.676 triệu đồng.

b) Quản lý các khoản nợ phải thu: Công ty mở đầy đủ sổ sách kế toán tổng hợp, chi tiết để quản lý, theo dõi theo từng đối tượng; cuối năm đối chiếu xác nhận công nợ. Tại ngày 31/12/2023 các khoản nợ phải thu là 24.804 triệu đồng, giảm 22% so với đầu kỳ.

Để bảo toàn vốn chủ sở hữu, Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán là 27.191 triệu đồng.

c) Quản lý hàng tồn kho: Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên; tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền; mở sổ sách theo dõi, cuối năm tài chính thực hiện kiểm kê đúng quy định. Tại ngày 31/12/2023, giá trị tồn kho là 22.600 triệu đồng, chủ yếu là vật tư, đồng hồ đo nước.

d) Quản lý tài sản cố định: Công ty mở đầy đủ sổ sách để quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng áp dụng nhất quán cho tất cả các tài sản trong suốt năm tài chính. Cuối năm tài chính kiểm kê tài sản đúng quy định. Tại ngày 31/12/2023 giá trị còn lại của tài sản cố định là 554.738 triệu đồng, bằng 38,6% nguyên giá.

Hệ số tự tài trợ TSCĐ là 0,7 (VCSH/TSCĐ). Hệ số này phản ánh tài sản của công ty được đầu tư một phần từ nguồn vốn vay.

đ) Quản lý nợ phải trả, hệ số nợ phải trả trên VCSH, khả năng thanh toán:

Công ty mở đầy đủ sổ sách để quản lý, theo dõi theo từng đối tượng nợ; cuối năm tài chính đối chiếu xác nhận công nợ đúng quy định.

- Tổng nợ phải trả cuối kỳ 286.778 triệu đồng, giảm 6,5% so với đầu kỳ. Trong đó nợ dài hạn các ngân hàng thực hiện các dự án lớn của công ty 168.692 triệu đồng.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,7 lần
(Nợ phải trả/ vốn CSH = 286.778/405.504)
- Khả năng thanh toán nợ tổng quát là: 2,41 lần
(Tổng TS/Nợ phải trả= 692.293/286.778). Chỉ tiêu này lớn hơn 2 chỉ thấy thanh toán của doanh nghiệp rất tốt.
- Khả năng thanh toán ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện thời) là 0,84 lần
(TSNH/Nợ NH = 117.637/139.642)
- Khả năng thanh toán nhanh là 0,68 lần ((TSNH- hàng tồn kho)/nợ NH)
- Công ty không có nợ phải trả quá thời hạn cam kết.

e) Quản lý doanh thu, thu nhập; chi phí và lợi nhuận: Công ty mở đầy đủ sổ tổng hợp, chi tiết để theo dõi, quản lý doanh thu, chi phí, lợi nhuận theo chuẩn mực kế toán và quy chế tài chính Công ty; hạch toán doanh thu phù hợp với chi phí phát sinh.

g) Quản lý các quỹ: Công ty mở đầy đủ sổ kế toán để theo dõi, quản lý, trích lập và sử dụng quỹ theo quy định và nghị quyết của Đại hội cổ đông.

III. Hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý điều hành khác của Công ty

1. Đối với Hội đồng quản trị

Năm 2023 HĐQT đã tổ chức họp và lấy ý kiến để biểu quyết quyết định các vấn đề theo thẩm quyền. Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp đầy đủ và có ý kiến rõ ràng, xác đáng về các vấn đề được đưa ra thảo luận, lấy ý kiến. Nghị quyết thông qua với 100% thành viên tán thành; cuộc họp của Hội đồng quản trị được ghi biên bản và lưu giữ theo quy định.

Hội đồng quản trị đã tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách cẩn trọng. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong phạm vi thuộc thẩm quyền, đáp ứng với yêu cầu thực tiễn, mang lại hiệu quả cao cho cổ đông và Công ty.

2. Đối với Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành Công ty

Tổng giám đốc và các thành viên điều hành Công ty luôn nỗ lực, cố gắng và bằng nhiều giải pháp, quyết tâm tổ chức thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao; thường xuyên kiểm tra, nắm bắt các lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách.

Trong quá trình điều hành, Tổng Giám đốc luôn báo cáo, đề xuất Hội đồng quản trị về những vấn đề còn vướng mắc để xin chủ trương trên tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành; thực hiện tốt sự phối hợp với Hội

đồng quản trị và Ban kiểm soát; đảm bảo tuân thủ pháp luật, điều lệ và nội quy, quy chế Công ty.

IV. Giao dịch giữa Công ty với TVHDQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan đến các thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không có

V. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Công ty luôn tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tiếp cận hồ sơ, tài liệu và tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của Ban kiểm soát. Các Nghị quyết, Quyết định, Biên bản họp của Hội đồng quản trị; các Báo cáo của Tổng Giám đốc và tài liệu Công ty phát hành được gửi đầy đủ, kịp thời cho Ban Kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Năm 2023, Ban Kiểm soát không nhận được yêu cầu, kiến nghị nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, người lao động Công ty yêu cầu kiểm tra các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

VI. Việc chấp hành chính sách pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Về chấp hành chính sách pháp luật và nghĩa vụ với Nhà nước

Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường, xã hội; quản lý vốn, tài chính, thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước; thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật. Nộp thuế, phí và cổ tức cho Nhà nước đúng, đủ, kịp thời, không nợ đọng.

Tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước trong năm trên 74 tỷ đồng (trong đó cổ tức nhà nước năm 2022 là 19.027 triệu đồng)

2. Việc thực hiện cổ tức được chia năm 2022

Công ty thực hiện việc chia và thanh toán cổ tức đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/5/2023 và thanh toán đầy đủ cho cổ đông đúng thời hạn.

3. Về thanh toán tiền lương và thù lao của các cán bộ quản lý

Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết đại hội đồng Cổ đông năm 2023.

4. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty là Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế, đơn vị được Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 thống nhất lựa chọn.

VII. Đề xuất kiến nghị

1. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án nâng công suất nhà máy nước Mật Sơn lên 70.000m³/ngđêm và Tuyến ống số 3 Thanh Hóa - Sầm Sơn để kịp thời đáp ứng nhu cầu nước cho khách hàng lớn trên địa bàn.

2. Tiếp tục có giải pháp hiệu quả hơn nữa để giảm số lượng khách hàng sử dụng 0m³ nước;

3. Thực hiện nhanh quy trình chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản trị mạng và quản trị doanh nghiệp.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Tiếp tục giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong công tác quản lý, điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

2. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; kế hoạch đầu tư phát triển và sửa chữa cải tạo năm 2024;

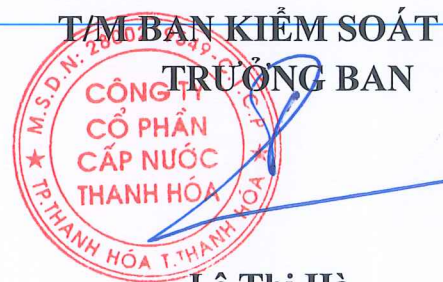
3. Thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm; tài liệu, báo cáo đánh giá công tác quản lý Công ty;

4. Giám sát việc chấp hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và các quy định của Pháp luật hiện hành;

5. Kiểm tra, giám sát một số nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông (báo cáo);
- HĐQT, TGD;
- Lưu Cty, BKS./.



Lê Thị Hà

Số: 121 /TTr - CNTH

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH
Kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa
Nhiệm kỳ 2020 – 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị Định số 10/2019/NĐ-CP ngày/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty đối với công ty đại chúng.

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa.

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT, ngày 24/4/2024 của HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa về việc triệu tập đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Để kiện toàn bộ máy lãnh đạo Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025. Hội đồng quản trị Công ty báo cáo, dự kiến nguồn nhân sự như sau:

I. Báo cáo nhân sự Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025.

1. Hội đồng quản trị đương nhiệm:

TT	Họ và tên	Chức vụ công tác hiện nay	Ghi chú
1	Nguyễn Huy Nam	Thành viên HĐQT	Đã giao lại 40,0% vốn chủ sở hữu; bằng 25,45% vốn điều lệ
2	Nguyễn Ngọc Cần	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	Đại diện 42,10% vốn chủ sở hữu; bằng 26,77% vốn điều lệ
3	Lê Sỹ Len	Thành viên HĐQT Phó tổng giám đốc	Đại diện 17,90% vốn chủ sở hữu; bằng 11,40% vốn điều lệ
4	Nguyễn Hùng Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	Đã bán toàn bộ 6.883.500 cổ phần
5	Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT Trưởng phòng TCCB	Được bầu từ các cổ đông năm giữ 15,52% vốn điều lệ

2. Tình hình nhân sự Hội đồng quản trị hiện nay:

- Ngày 08/3/2024 Tỉnh ủy Thanh Hóa ban hành Quyết định số 3139 – QĐ/TU về việc đồng chí Nguyễn Huy Nam, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa.

- Ngày 11 tháng 3 năm 2024 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành Quyết định số 972/QĐ-UBND về việc Ông Nguyễn Huy Nam thôi làm Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa.

TỜ TRÌNH

Vv: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hoá ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

- Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 24/4/2024 của HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa đã được “Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế (iCPA)” kiểm toán năm 2023, bao gồm:

1. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 (Mẫu số B01-DN);
2. Báo cáo kết quả HĐKD năm 2023 (Mẫu số B02-DN);
3. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2023 (Mẫu số B03-DN).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính./.

(Có các mẫu số B01-DN; B02-DN; B03-DN kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHỤ TRÁCH HĐQT



Lê Sỹ Len

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		117,637,048,882	110,114,752,430
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	67,904,368,603	34,749,550,189
1. Tiền	111		3,022,841,873	2,096,914,350
2. Các khoản tương đương tiền	112		64,881,526,730	32,652,635,839
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1,772,344,587	20,479,467,468
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1,772,344,587	20,479,467,468
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24,804,277,946	31,880,883,291
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29,016,514,459	31,424,260,335
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		795,368,690	941,142,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	22,184,141,271	25,123,775,547
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(27,191,746,474)	(25,608,294,591)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		22,600,339,324	22,154,135,496
1. Hàng tồn kho	141	V.6	22,600,339,324	22,154,135,496
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		555,718,422	850,715,986
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		464,905,715	825,576,508
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	90,812,707	25,139,478
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		574,646,360,522	591,083,357,135
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
I. Tài sản cố định	220		554,738,661,943	563,347,149,283
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	554,701,795,261	563,278,682,605
- Nguyên giá	222		1,435,053,586,925	1,388,995,170,418
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(880,351,791,664)	(825,716,487,813)

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	36,866,682	68,466,678
- Nguyên giá	228		572,621,550	572,621,550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(535,754,868)	(504,154,872)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		6,967,476,024	15,909,575,991
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	6,967,476,024	15,909,575,991
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		12,940,222,555	11,826,631,861
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	12,940,222,555	11,826,631,861
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		692,283,409,404	701,198,109,565
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		286,778,498,314	306,946,936,517
I. Nợ ngắn hạn	310		139,641,939,792	135,579,674,043
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	28,940,547,470	37,766,072,944
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8,040,677,766	3,793,875,927
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	5,112,143,854	4,382,586,418
4. Phải trả người lao động	314		19,146,567,657	14,462,733,389
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13a	6,025,096,751	5,814,521,502
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	39,686,406,137	36,249,192,000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	23,974,703,952	26,112,749,896
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8,715,796,205	6,997,941,967
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		147,136,558,522	171,367,262,474
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.13b	2,418,000,000	2,674,000,000
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-

2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	144,718,558,522	168,693,262,474
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		405,504,911,090	394,251,173,048
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	405,504,911,090	394,251,173,048
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		329,954,110,000	329,954,110,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329,954,110,000	329,954,110,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		27,981,894,030	21,573,334,792
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47,568,907,060	42,723,728,256
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47,568,907,060	42,723,728,256
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		692,283,409,404	701,198,109,565

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

Người lập biểu



Đặng Thị Tiệp

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Càn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	428,501,285,107	410,254,794,235
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		428,501,285,107	410,254,794,235
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	285,851,980,573	274,884,733,135
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		142,649,304,534	135,370,061,100
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,976,678,926	2,120,074,380
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13,456,984,200	16,492,467,268
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13,456,984,200	16,492,467,268
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	40,669,417,978	36,157,686,087
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	31,098,550,698	38,744,310,123
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60,401,030,584	46,095,672,002
11. Thu nhập khác	31	VI.6	330,640,000	7,434,667,873
12. Chi phí khác	32		122,303,113	30,569,055
13. Lợi nhuận khác	40		208,336,887	7,404,098,818
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60,609,367,471	53,499,770,820
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	13,040,460,411	10,776,042,564
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47,568,907,060	42,723,728,256
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1,225	1,101
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1,225	1,101

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

Người lập biểu



Đặng Thị Tien

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Cần

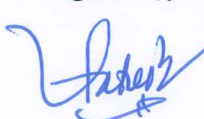
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	485,746,894,277	466,175,132,781
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-194,452,206,050	-202,638,579,442
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-102,922,969,200	-90,905,173,500
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-13,502,408,951	-13,825,972,099
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-12,114,742,889	-10,652,333,740
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11,366,729,934	15,263,261,676
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-69,659,484,630	-59,923,739,664
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	104,461,812,491	103,492,596,012
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-37,116,316,540	-43,579,914,005
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-1,101,274,771	(903,743,245)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	19,808,397,652	5,705,341,754
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,128,896,071	2,077,282,283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15,280,297,588)	(36,701,033,213)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
1. Tiền thu từ đi vay	33		12,500,000,000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(26,112,749,896)	(38,612,749,896)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29,913,946,593)	(28,594,603,638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56,026,696,489)	(54,707,353,534)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	33,154,818,414	12,084,209,265
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	34,749,550,189	22,665,340,924
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	67,904,368,603	34,749,550,189

Thanh Hóa, ngày... tháng..... năm 2024

Người lập biểu



Đặng Thị Tien

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga

Tổng giám đốc




Nguyễn Ngọc Càn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC THANH HÓA

Số: 17/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023; Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 - Đã được kiểm toán;
- Căn cứ Kế hoạch SXKD của công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa năm 2024.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa trình Đại hội đồng cổ đông Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2023 và dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2024, bao gồm các nội dung khái quát như sau:

1. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa:

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2023: 329.954.110.000 đồng

- Vốn cổ đông khác 120.030.400.000 đồng bằng 36,38% vốn điều lệ.
- Vốn Nhà nước 209.923.710.000 đồng bằng 63,62% vốn điều lệ.

2. Về phân phối lợi nhuận và phân chia cổ tức năm 2023

2.1. Phân phối lợi nhuận năm 2023:

a) Lợi nhuận và lợi nhuận sau thuế thu nhập:

- Lợi nhuận trước thuế: 60.609.367.471 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 13.040.460.411 đồng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập: 47.568.907.060 đồng

b) Trích các quỹ theo quy định của điều lệ:



Trích quỹ đầu tư phát triển và khen thưởng phúc lợi = 14.270.672.118 đồng:

- Quỹ đầu tư phát triển: $47.568.907.060 \text{ đồng} \times 15\% = 7.135.336.059 \text{ đồng}$;
- Quỹ k/thưởng phúc lợi: $47.568.907.060 \text{ đồng} \times 15\% = 7.135.336.059 \text{ đồng}$;

2.2. Phân chia cổ tức cho các cổ đông (lợi nhuận còn lại):

(Lợi nhuận còn lại: $47.568.907.060 - 14.270.672.118 \text{ đ} = 33.298.234.942 \text{ đồng}$)

- Cổ đông Nhà nước được hưởng lợi tức (63,62%): 21.184.337.070 đồng;
- Cổ đông khác được hưởng lợi tức (36,38%): 12.113.897.872 đồng;

(Tỷ lệ cổ tức năm 2023: 10,09 %).

3. Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2024:

Vốn điều lệ : **329.954.110.000** đồng

- Vốn cổ đông khác **120.030.400.000** đồng bằng **36,38%** vốn điều lệ.
- Vốn Nhà nước **209.923.710.000** đồng bằng **63,62%** vốn điều lệ.

3.1. Dự kiến Kết quả hoạt động SXKD năm 2024

- a) Doanh thu và thu nhập (Kế hoạch SXKD): 441.969.863.000 đồng
- b) Kết quả hoạt động (Kế hoạch SXKD): Lãi 42.500.000.000 đồng

3.2. Dự kiến Phân phối lợi nhuận năm 2024

a) Lợi nhuận và lợi nhuận sau thuế thu nhập:

- Lợi nhuận trước thuế: 42.500.000.000 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (20%): 8.500.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 34.000.000.000 đồng

b) Trích các quỹ theo quy định của điều lệ công ty:

Trích quỹ đầu tư phát triển và khen thưởng phúc lợi: 10.200.000.000 đồng

Trong đó:

- Quỹ đầu tư phát triển: $34.000.000.000 \text{ đ} \times 15\% = 5.100.000.000 \text{ đồng}$
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: $34.000.000.000 \text{ đ} \times 15\% = 5.100.000.000 \text{ đồng}$

Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức:

Lợi nhuận còn lại: $34.000.000.000 \text{ đ} - 10.200.000.0 \text{ đ} = 23.800.000.000 \text{ đồng}$

3.3. Dự kiến Phân chia cổ tức cho các cổ đông (23.800.000.000 đồng)

198
G
PH
NU
JH
A T

Tỷ lệ cổ tức năm 2024: 23.800.000.000 đ : 329.954.110.000 đ = 7,21 %.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHỤ TRÁCH HĐQT**



Lê Sỹ Len



Số: 15/TT- HĐQT

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua tiền lương, tiền thưởng, thù lao
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa được ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/07/2021 của Hội đồng quản trị công ty;

Để đảm bảo gắn trách nhiệm với quyền lợi của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong công tác điều hành, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thảo luận về mức tiền lương và thù lao năm 2024 đối với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và thư ký công ty, cụ thể như sau:

1. Về tiền lương

a) Tiền lương của người Quản lý chuyên trách Công ty, bao gồm: (Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT chuyên trách, Tổng Giám đốc, các Phó tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chuyên trách và Kế toán trưởng công ty). Thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016, Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

b) Các thành viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm); Thư ký công ty hưởng lương theo phương án phân phối tiền lương của người lao động năm 2024 do công ty quy định.



2. Mức thù lao:

a) Thành viên Hội đồng quản trị:

- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách: 3.000.000 đ/người/tháng

- Tiền Thù lao một năm của thành viên HĐQT không chuyên trách là:

$$4 \text{ người} \times 3.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 144.000.000 \text{ đ}$$

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn)

b) Thành viên Ban kiểm soát

- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 2.000.000đ/người/tháng

- Tiền thù lao 1 năm của thành viên BKS không chuyên trách là:

$$2 \text{ người} \times 2.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 48.000.000 \text{ đ}$$

(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu đồng chẵn)

c) Tổng mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS công ty năm 2024 là:

$$144.000.000 \text{ đ} + 48.000.000 \text{ đ} = 192.000.000 \text{ đ}$$

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHỤ TRÁCH HĐQT



Lê Sỹ Len



Thanh Hoá, ngày 06 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

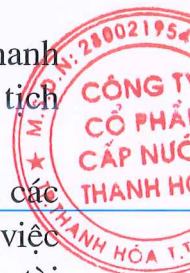
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- Căn cứ Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- Căn cứ Quyết định số 1106/QĐ-UBCK ngày 24/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận Tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Hội đồng quản trị đề xuất với Đại hội đồng cổ đông tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024;
- Việc kiểm toán phải tuân thủ các quy định của Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS);



- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán

Trên cơ sở các tiêu chí nêu trên, Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá năng lực 03 đơn vị kiểm toán sau đây:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế.

Sau khi đánh giá các đơn vị kiểm toán này, Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất đơn vị kiểm toán sau đây là đơn vị thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính Công ty năm 2024:

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ Chi nhánh Miền Trung: Tầng 9, tòa nhà Viettel, Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.

Địa chỉ Chi nhánh Sài Gòn: Lầu 5, tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế đã được Bộ tài chính và ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận Tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024 theo Quyết định số 1106/QĐ-UBCK ngày 24/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

(Kèm theo Danh sách 28 Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024).

Kính đề nghị Đại Hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHỤ TRÁCH HĐQT



Lê Sỹ Len





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Hôm nay, ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa, ban kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

- 1. Ông: Nguyễn Huy Trường - Trưởng ban.
- 2. Ông: Nguyễn Văn Tân - Ban viên
- 3. Ông : Lê Hoàng - Ban viên

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của đại hội như sau:

I. Các nội dung được thông qua tại Đại hội:

- 1. Thông qua Bầu đoàn thủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu, Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội
- 2. Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2024 của Ban Tổng Giám đốc
- 3. Thông qua báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2023 và chương trình công tác năm 2024
- 4. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch công tác năm 2024 của Ban kiểm soát
- 5. Thông qua tờ trình báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023
- 6. Thông qua tờ trình phương án, phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023, tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2024;
- 7. Thông qua tờ trình, Mức chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2024;
- 8. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024;
- 9. Thông qua Nghị quyết Đại hội

II. Nội dung Kiểm phiếu biểu quyết:

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết, số lượng cổ đông tham dự là: 56 người. Tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: 32.610.410 cổ phần, chiếm 99,0% tổng số cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong đó:

1.1. Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự:

- + Số lượng: 56 Người.
- + Tương ứng: 9.867.899 Cổ phần có quyền biểu quyết.

1.2. Tổng số cổ đông uỷ quyền:

- + Số lượng: 567 Người.
- + Tương ứng: 22.742.511 Cổ phần có quyền biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

STT	VẤN ĐỀ BIỂU QUYẾT	SỐ PHIẾU TÁN THÀNH	KHÔNG TÁN THÀNH	Ý KIẾN KHÁC
1	Thông qua Bầu đoàn thủ tịch, đoàn thư ký, Ban kiểm phiếu, Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)



2	Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và phương hướng SXKD năm 2024 của Ban Tổng Giám đốc	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
3	Thông qua báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2023 và chương trình công tác năm 2024	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
4	Thông qua báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch công tác năm 2024 của Ban kiểm soát	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
5	Thông qua tờ trình báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
6	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023, tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2024;	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
7	Thông qua Mức chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2024	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
8	Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
9	Thông qua Nghị quyết Đại hội	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)

2195
 NG T
 PH
 NU
 NH H
 ĐA T

Các nội dung khác trong chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đã được thông qua trực tiếp tại Đại hội với 100% số cổ phần có quyền biểu quyết, có mặt tại Đại hội.

Việc kiểm phiếu được hoàn tất vào hồi 11h30 phút cùng ngày. Biên bản được lập tại chỗ và được mọi thành viên Ban kiểm phiếu thông qua và ký tên xác nhận.

Sau khi biên bản được thông qua; Ban kiểm phiếu bàn giao Biên bản và toàn bộ Phiếu biểu quyết cho Chủ tọa đại hội./.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Huy Trường

BAN VIÊN

Nguyễn Văn Tân.....

Lê Hoàng.....





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KIỂM PHIẾU BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Căn cứ luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020.

Căn cứ điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa.

Hôm nay, ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở chính công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa. Ban kiểm phiếu được Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 bầu gồm:

- Ông: Nguyễn Huy Trường – Trưởng phòng KHVT - Trưởng ban.
- Ông: Nguyễn Văn Tân - TP Kỹ thuật - Ban viên
- Ông Lê Hoàng – TP tin học - Ban viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa nhiệm kỳ 2020 - 2025 với kết quả như sau:

1. Tại thời điểm tiến hành Bầu cử, số lượng cổ đông tham dự là: 56 người, chiếm 99,0% tổng số cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong đó:

1.1. Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự:

+ Số lượng: 56 người.

+ Tương ứng: 9.867.899 Cổ phần có quyền biểu quyết.

1.2. Tổng số cổ đông uỷ quyền:

+ Số lượng: 567 Người.

+ Tương ứng: 22.742.511 Cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Tổng số phiếu phát ra: 56 phiếu, tương ứng 32.610.410 Cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Tổng số phiếu thu về: 56 phiếu, tương ứng 32.610.410 Cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong đó:

+ Số phiếu hợp lệ: 56 phiếu, tương ứng 32.610.410 Cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Số phiếu không hợp lệ: 0 (không) phiếu, tương ứng 0 (không) cổ phần có quyền biểu quyết

4. Số thành viên Hội đồng quản trị được bầu: 02 người

5. Kết quả số phiếu bầu cụ thể như sau:



+ Ông: Lê Thế Sơn: Số phiếu bầu 45.996.941 Phiếu = 70,52%

+ Ông: Phạm Văn Tú: Số phiếu bầu 19.223.879 Phiếu = 29,48%

Căn cứ kết quả bầu cử tại Đại hội. Những ông (bà) có tên sau trúng cử vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa nhiệm kỳ 2020 - 2025:

1) Ông: Lê Thế Sơn

2) Ông: Phạm Văn Tú

Biên bản kiểm phiếu hoàn tất vào hồi 10 giờ 10 phút cùng ngày. Biên bản lập tại chỗ, được các thành viên Ban kiểm phiếu thông qua và thống nhất ký tên.

Ban Bầu cử giao lại Biên bản Kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội./.

TRƯỞNG BAN


Nguyễn Huy Trường

BAN VIÊN

Nguyễn Văn Tân.....
Lê Hoàng.....

